

Một số năng lực chủ yếu giáo viên cần có trong dạy học tích hợp và dạy học phân hóa

Nguyễn Thị Ngọc Linh và TS. Trần Thị Nâu***

Tóm tắt

Một trong những định hướng chính mang tính chiến lược của đổi mới chương trình giáo dục phổ thông nước ta sau năm 2015 là dạy học tích hợp và dạy học phân hóa. Bên cạnh các khâu như chương trình học, giải pháp triển khai, cơ sở vật chất... năng lực của giáo viên là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Ngoài những năng lực chung, giáo viên cần phải rèn luyện và phát triển một số năng lực riêng cần thiết để thực hiện tốt vai trò của mình trong dạy học tích hợp và dạy học phân hóa đạt hiệu quả cao đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong thời đại mới.

Từ khóa: năng lực giáo viên, dạy học tích hợp, dạy học phân hóa.

1. Đặt vấn đề

Công cụ lao động quyết định hiệu quả lao động. Công cụ lao động của giáo viên (GV) chính là tổng hợp hệ thống năng lực cá nhân phức tạp và đa dạng gồm tri thức, kỹ năng, thái độ... tác động đến học sinh (HS) một cách có ý thức, có mục đích, có hệ thống, có phương pháp. Như vậy, công cụ lao động đặc biệt này vô hình và nằm bên trong chủ thể cho nên nó sẽ sớm bị lạc hậu trong thời đại bùng nổ thông tin, khoa học, kỹ thuật. Bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn, nghiệp vụ cho GV nhằm giúp GV phát triển năng lực trong giảng dạy và quản lý giáo dục là một trong những vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Trong xu hướng đổi mới chung của nền giáo dục Việt Nam và cụ thể là thực hiện hai định hướng dạy học tích hợp (DHTH) và dạy học phân hóa (DHPH), GV cần có những năng lực nào để thực hiện tốt nhiệm vụ này? Đó là vấn đề mà chúng tôi đề cập đến trong bài viết này.

2. Một số năng lực sư phạm cần có ở giáo viên

Đa số GV phổ thông hiện nay đều được đào tạo khá bài bản, đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ; yêu nghề, là những người có hoài bão, có nguyện vọng đem tri thức của mình phục vụ cho sự nghiệp giáo dục. Để đáp ứng được những yêu cầu của thời đại công nghệ hóa, thương mại hóa, quốc tế hóa, cùng những biến động về xã hội, sự giao lưu văn hóa và yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học... GV cần nỗ lực học tập không ngừng nâng

* Trường THPT Phan Văn Trị - Huyện Giồng Trôm – Tỉnh Bến Tre

** Khoa Sư Phạm – Trường Đại học Cần Thơ

cao tri thức khoa học, tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp và đạt được những năng lực quan trọng sau:

2.1. Những năng lực chung

Sự thành công của giáo dục phụ thuộc phần lớn vào năng lực của GV – “người cầm cân, nẩy mực”. GV vừa là một “nhà giáo dục” vừa là một “nghệ sĩ đại tài” trên “sân khấu bục giảng”. Do đó, GV phải nắm vững và sâu kiến thức chuyên môn và các tri thức khoa học có liên quan đến môn học mà mình phụ trách; đồng thời phải thường xuyên cập nhật thông tin, tri thức hiện đại, để hoàn thiện tri thức của bản thân. Cụ thể, GV phải nắm vững hệ thống tri thức tâm lý học, các tư tưởng giáo dục tiến bộ, những thành tựu mới trong khoa học giáo dục và kiến thức chuyên ngành, phương pháp dạy học bộ môn và vận dụng có kết quả vào việc thiết kế, tổ chức quá trình dạy học. Để thực hiện những điều trên, GV phải có hệ thống kiến thức công cụ để chiếm lĩnh tri thức như: triết học, ngoại ngữ, tin học...

Học, học nữa, học mãi! (Lê-nin) là phương châm mà người GV phải thực hành để làm tấm gương sáng cho HS. Trước thời đại bùng nổ công nghệ thông tin và sự mở rộng không ngừng của tri thức khoa học, tất cả mọi người (đặc biệt là GV) cần phải có ý thức chiếm lĩnh tri thức khoa học để có thể tự tin truyền thụ và định hướng cho HS những kiến thức mới và phương pháp học tập phù hợp. Chất lượng giáo dục quốc dân được quyết định bởi nhân tố rất quan trọng: nhân tố con người. Người GV là một trong những mắt xích quan trọng và thực hiện sứ mệnh lớn lao: đào tạo con người. Do vậy, muốn hoàn thành sứ mệnh của mình, GV cần phải luôn học tập và rèn luyện suốt đời không chỉ tri thức mà năng lực sư phạm để đáp ứng yêu cầu của nền giáo dục của mỗi giai đoạn khác nhau. Sau đây là những năng lực sư phạm cần thiết mà mỗi GV cần có:

Năng lực *chẩn đoán nhu cầu và đặc điểm của đối tượng dạy học, giáo dục*. Đây là năng lực phát hiện và nhận biết kịp thời, đầy đủ và chính xác sự phát triển của HS, những nhu cầu cần được giáo dục của từng HS. Để có năng lực chẩn đoán chính xác, GV phải thực hiện một khâu quan trọng đó là tìm hiểu đối tượng giáo dục, hiểu biết về môi trường giáo dục. GV cần nắm rõ một số vấn đề về đối tượng giáo dục của mình như: nhận thức, trí tuệ, đời sống tình cảm, ý chí, đặc điểm tính cách, khả năng, nhu cầu, sở thích ... GV cần có thái độ khách quan và khoa học trong việc nhìn nhận, đánh giá đối tượng dạy học, giáo dục thì sự chẩn đoán mới đạt được độ chính xác cao. Trong trường hợp này, năng lực, đạo đức nghề nghiệp, tình yêu nghề và tình yêu trẻ là những nhân tố quyết định. Người Thầy chỉ có thể hiểu, chẩn đoán chính xác nhu cầu và đặc điểm của HS khi biết quan sát, lắng nghe và thấu hiểu bằng cả trái tim của mình.

Năng lực *xây dựng mục tiêu, kế hoạch, thiết kế các hoạt động dạy học, giáo dục*. Năng lực này là năng lực biết dựa vào điểm mạnh, điểm yếu của HS, mục tiêu giáo dục (những phẩm chất, kiến thức, kỹ năng cần hình thành cho HS), hình dung được hiệu quả của các tác động giáo dục thông qua việc tổ chức các hoạt động. Từ đó, GV xác định mục tiêu bài học/giáo dục, nội dung bài học/giáo dục, xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng, thiết kế các hoạt động và dự kiến mức độ tham gia của HS trong bài học, dự kiến kết quả đạt được ...

Năng lực *triển khai chương trình dạy học*: Đó là năng lực tiến hành dạy học và giáo dục. GV căn cứ vào mục đích và nội dung dạy học và giáo dục đã được quy định tiến hành dạy học, giáo dục theo chương trình chung nhưng lại phù hợp với đặc điểm riêng của đối tượng. Trong quá trình dạy học, đánh giá GV phải chú trọng đến vai trò trung tâm của HS và giúp họ phát huy năng lực. Với mục tiêu đáp ứng yêu cầu tích hợp và phân hóa trong dạy học, GV cần phải biết những bài học nào thì chú trọng theo hướng phân hóa, bài học nào cần sẽ phải cần vận dụng tích hợp những kiến thức khoa học liên môn để đạt được mục tiêu bài học. Từ đó, GV sẽ chủ động phác thảo nguồn kiến thức, lựa chọn tư liệu và phương pháp dạy, thiết kế câu hỏi, công cụ kiểm tra đánh giá và cách thức sử dụng phù hợp...

Năng lực *tổ chức, thực hiện kế hoạch hoạt động dạy học, giáo dục*. Năng lực này được GV thể hiện qua việc giao nhiệm vụ học tập, hướng dẫn HS thực hiện, theo dõi, điều chỉnh và hỗ trợ hoạt động của HS khi cần thiết, lưu tâm tới sự tiến bộ của HS. Để thực hiện được điều này, GV phải có vốn kiến thức chuyên môn chắc chắn, kết hợp với bản lĩnh và kỹ năng sư phạm của bản thân. Chẳng hạn, năng lực tổ chức dạy học hợp tác cho HS và xử lý những tình huống phát sinh trong dạy học hợp tác đó sẽ được GV hình thành, đúc kết trong quá trình dạy học. Tổ chức thực hiện các hoạt động học tập cho HS, GV phải hướng đến mục tiêu chính là tăng cường phát huy tính tự tin, tích cực, chủ động, sáng tạo và tăng cường khả năng, kỹ năng vận dụng vào thực tế của HS. Phải làm sao cho HS yêu thích môn học, tự khám phá để kiến thức các em tiếp thu được một cách tự nhiên không gò ép. Có như vậy, kiến thức đó sẽ bền vững và hữu dụng.

Năng lực *giải quyết những tình huống có vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học, giáo dục*. Năng lực này đòi hỏi GV phải có kiến thức tâm lý học vững chắc, sự nhạy bén và một kinh nghiệm sống phong phú. Những cách ứng xử, giải quyết vấn đề một cách thông minh, hợp lý sẽ tác động tích cực đến việc hoàn thiện nhân cách của HS. Ngược lại, những cách ứng xử tiêu cực sẽ để lại những ấn tượng, ký ức không tốt trong tâm hồn các em. Trong thực tế dạy học, GV nào ít nhiều cũng trải nghiệm những tình huống sư phạm đòi hỏi GV phải có cách giao tiếp, ứng xử sư phạm thật khéo léo. Ví dụ, khi trong giờ học bất ngờ có HS đặt những câu hỏi khó, thuộc phạm vi rộng mà có thể GV chưa thông hiểu để giải đáp cho HS thì GV cần ứng phó nhanh tránh việc các em mất lòng tin và sự tôn kính đối với người Thầy. Trong trường hợp đó, GV có thể khen HS có câu hỏi hay, đồng thời yêu cầu tập thể lớp thảo luận hoặc biến câu hỏi đó thành bài tập về nhà để đến buổi học sau thầy và trò sẽ cùng nhau thảo luận và giải quyết. GV cũng có thể chân thành khuyến khích các em tìm tòi những tri thức mới, và giúp các em hiểu rằng tri thức khoa học là vô tận mà không ai có thể tinh thông mọi thứ. Chỉ có con đường tự trau dồi kiến thức để tìm chân lý khoa học là cách tốt nhất. Hoặc một tình huống sư phạm thường gặp khác là khi GV tổ chức cho HS thảo luận bằng phương pháp dạy học nêu vấn đề thảo luận nhóm, có thể sẽ phát sinh những tình huống gay gắt, bất đồng quan điểm giữa các thành viên. Khi đó, GV phải khéo léo dẫn dắt để các em hiểu những ý kiến nào phù hợp và những điều cần phải nghiên cứu thêm. Trong trường hợp này, GV cần một chút năng khiếu hài hước nhưng không quá đà để xóa tan bầu không khí căng thẳng. GV dạy cho HS cách phản biện, rèn luyện tư duy phê phán và học thái độ bày tỏ sự phản biện một cách có

văn hóa. Ngoài ra, GV cần phải có khả năng tham vấn, hướng dẫn và tư vấn đối tượng giáo dục, giúp các em không chỉ học tốt mà còn phải có cách sống đúng đắn.

Năng lực *kiểm tra, đánh giá kết quả của các hoạt động dạy học, giáo dục*. Đó là năng lực nhìn thấy được sự thay đổi về nhận thức, kỹ năng thái độ và tình cảm của HS thông qua những tác động giáo dục. Nó không chỉ nhằm mục đích xác nhận kết quả học tập của người học mà còn là nguồn thông tin phản hồi giúp người dạy nắm bắt chất lượng, phương pháp dạy để từ đó có những điều chỉnh thích hợp trong công việc giảng dạy của mình. Ngoài ra, kết quả của hoạt động đánh giá còn giúp các cơ quan giáo dục, các nhà quản lý và hoạch định chính sách có những số liệu, thông tin về chất lượng và trình độ của hệ thống giáo dục các cấp để có những điều chỉnh, bổ sung và chỉ đạo kịp thời. Năng lực này giúp nhìn nhận tính đúng đắn của các năng lực nói trên.

Năng lực *sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*. Khoa học kỹ thuật ngày càng hiện đại vì vậy đòi hỏi GV phải có khả năng áp dụng những tiến bộ của khoa học vào giảng dạy. Phương tiện dạy học của GV ngày nay không chỉ là “phấn trắng, bảng đen” mà còn có các thiết bị dạy học riêng cho từng bộ môn và việc sử dụng giáo án điện tử với máy vi tính, máy chiếu ... giúp cho tiết học thêm cụ thể, sinh động. Vì thế, GV sẽ trở nên lạc hậu nếu không biết sử dụng những phương tiện dạy học hiện đại này. Tuy nhiên, GV phải biết lựa chọn thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin một cách phù hợp với yêu cầu và phương pháp của từng bài học, đảm bảo tính khoa học và tính sư phạm.

Năng lực *tự học, tự nghiên cứu, tự giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng* để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và những phẩm chất của nhân cách. GV cần phải luôn tự đặt câu hỏi về việc mình làm, đánh giá chất lượng công việc của bản thân để từ đó rút ra ưu, khuyết điểm để có hướng khắc phục, học tập và phát triển. Trong những năng lực này thì năng lực *nghiên cứu khoa học* của GV là một năng lực cần thiết trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Bởi vì, GV có năng lực nghiên cứu khoa học tốt thì mới có thể hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu khoa học. Trước đây, yêu cầu này dành cho GV các trường đại học, cao đẳng nhưng xu thế phát triển giáo dục hiện nay là gắn kết chặt chẽ giữa trường, khoa sư phạm và trường phổ thông, giữa lý thuyết phương pháp và thực tiễn dạy học, giữa kiến thức khoa học và kinh nghiệm thực tiễn. Một số kết quả nghiên cứu của GV và HS mà chúng ta đã được biết như: Vào tháng 6 năm 2011, thầy Nguyễn Ngọc Hải – GV Trường THPT An Lạc Thôn (Kế Sách, Sóc Trăng) đã hướng dẫn nhóm HS của trường thực hiện nghiên cứu khoa học và đã đạt giải nhất cuộc thi về “*Cải thiện việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước*” lần thứ 8 (2010 - 2011) do Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ GD-ĐT, Báo Khoa học và Đời sống đồng tổ chức. Và đề tài này đã được chọn đại diện cho Việt Nam dự thi cuộc thi về nguồn nước tổ chức tại thủ đô Stockholm của Thụy Điển vào tháng 8/2011(dantri.com.vn) ; Hay vừa qua 12/10/2014, sản phẩm “*Hệ thống quản lý nhà thông minh*” của nhóm tân sinh viên khóa 40 Trường Đại học Cần Thơ gồm Trần Võ Khánh Ngân (lớp Khoa học Máy tính), Trần Thị Nguyễn Nhật (lớp Kỹ thuật Phần mềm) và Quan Thanh Hải (lớp Sư phạm Toán-Tin) là cựu HS Trường THPT Châu Văn Liêm đã vinh dự nhận được giải Ba tại Cuộc thi Sáng tạo Thanh-Thiếu niên và Nhi đồng toàn quốc năm 2014. Ngân-Nhật-Hải đã cùng lên kế

hoạch bắt tay vào xây dựng ý tưởng này với sự hỗ trợ của quý Thầy, Cô Trường THPT Châu Văn Liêm [8].

Như vậy, để giúp HS ứng dụng kiến thức khoa học vào thực tiễn, đòi hỏi GV phải có năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu. Sáng kiến kinh nghiệm cũng là một sản phẩm của nghiên cứu khoa học giáo dục mang tính ứng dụng cao đang được thực hiện rộng rãi ở trường phổ thông. Trên đây chỉ là những ví dụ cụ thể về những thành tích nghiên cứu khoa học của GV và HS ở trường phổ thông. Điều đó là một minh chứng cho sự cần thiết và tính khả thi của hoạt động nghiên cứu khoa học của GV, vai trò và ý nghĩa của việc GV hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học. Người thầy giáo có thể hướng dẫn HS bắt đầu nghiên cứu bằng một việc rất nhỏ, gần gũi với đời sống nhưng sẽ ươm mầm cho những tài năng trong tương lai.

Năng lực *thiết lập mối quan hệ với người khác*: như quan hệ đồng nghiệp, quan hệ với phụ huynh HS và nhất là quan hệ với HS. Tất cả những điều này nhằm mục đích giúp GV có được nhiều “kênh thông tin” về đối tượng giáo dục của mình. Từ đó, GV sẽ hiểu hơn về đối tượng giáo dục và một phần biết được những kết quả giáo dục mà bản thân đạt được. Trong xu thế hội nhập và phát triển, kết hợp DHTH và DPHP thì việc tạo ra một cộng đồng học tập, liên kết hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu giữa những GV cùng chuyên môn, chuyên môn gần để trao đổi kinh nghiệm là nhu cầu thiết yếu.

Trên đây là một số năng lực chung mà mỗi GV cần có trong hoạt động dạy học, giáo dục của mình. Tùy theo trình độ, khả năng và mức độ nhận thức riêng của bản thân, mỗi GV sẽ vận dụng nó vào trong quá trình dạy học một cách hợp lý nhất. Tất cả vì một mục đích chung là đào tạo ra nguồn lực vững mạnh cho đất nước.

2.2. Những năng lực riêng

2.2.1. Đối với dạy học tích hợp

Tiến tới thực hiện hương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh và tích hợp liên môn, GV cần phải hiểu, cụ thể hóa những yêu cầu cơ bản của DHTH và DPHP đối với mỗi đơn vị bài học, mỗi môn học.

Dạy học tích hợp là dạy học, trong đó GV tổ chức, hướng dẫn để HS biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều khía cạnh, lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ học tập. Mục đích của DHTH là nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng và phát triển được những năng lực cần thiết cho HS trong học tập cũng như trong thực tiễn đời sống. Đồng thời, DHTH sẽ giúp cho việc giảm số môn học và lồng ghép được các vấn đề thời sự của cuộc sống vào các môn học và hoạt động giáo dục. DHTH “làm cho các quá trình học tập có ý nghĩa, bằng cách gắn quá trình học tập với cuộc sống hằng ngày,... sử dụng kiến thức của nhiều môn học và không chỉ dừng lại ở nội dung các môn học” [3;tr.60]. Nếu thành công, DHTH sẽ giúp người dạy và người học tiết kiệm thời gian, biết cách tổng hợp nhiều mảng kiến thức liên môn, xuyên môn, đa môn để khái quát kiến thức và giúp hình thành nhiều kỹ năng khác nhau. Tuy nhiên, DHTH như thế nào cho đạt hiệu quả là một câu hỏi mà GV cần phải tìm giải pháp trong quá trình dạy học và bản thân GV phải có những năng lực cần thiết.

Năng lực đầu tiên GV cần có là năng lực *phân tích chương trình học*. Sách giáo khoa các cấp được biên soạn theo hướng tích hợp. Ví dụ, đối với môn Ngữ văn, *Văn học dân gian* ở cấp Tiểu học được đưa vào ở bài học *Tập đọc, Kể chuyện* với mục đích giúp HS nhận ra được bài học đạo đức; ở chương trình THCS,..., chương trình THPT thì việc dạy tác phẩm *Văn học dân gian* đòi hỏi người GV phải giúp HS hiểu nội dung và nghệ thuật, chú trọng đến đặc trưng thi pháp thể loại,... *Văn nghị luận* được đưa vào chương trình cấp THCS và THPT, ở mỗi cấp có sự yêu cầu phát triển năng lực và kĩ năng ở những mức độ khác nhau như thế nào? Kiến thức liên môn giữa lịch sử, văn học hỗ trợ nhau như thế nào? Do vậy, người GV cần phải hiểu không chỉ bài học mình dạy mà còn phải biết ở cấp dưới HS đã học gì, các môn khác gần gũi đã cung cấp cho các em kiến thức gì để lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp.

Trong DHTH, năng lực cần thiết thứ hai GV cần có là *phát hiện, tổng hợp và liên hệ vấn đề*. DHTH gồm tích hợp ngang và tích hợp dọc. Nó đòi hỏi GV phải thấy mối quan hệ và sự nằm cùng một hệ thống của các kiến thức trong cùng môn học hoặc giữa các phân môn, giữa các môn học, giữa lí thuyết và thực tiễn. Ví dụ, trong môn Ngữ văn khi dạy một văn bản nghị luận trong phần Đọc văn, GV có thể rèn luyện cho HS nhận biết kết cấu, lập luận của của một văn bản nghị luận. Từ đó giúp cho HS rèn luyện kĩ năng lập luận trong viết văn nghị luận. Đây là *kiểu tích hợp giữa các phân môn trong cùng một bộ môn* (Văn – Làm văn). Một kiểu tích hợp khác là *tích hợp liên môn*. Đây là quan điểm tích hợp mở rộng kiến thức trong bài học với các kiến thức của các bộ môn khác, các ngành khoa học, nghệ thuật khác, cũng như các kiến thức đời sống, qua đó làm giàu thêm vốn hiểu biết và phát triển nhân cách cho HS. Chẳng hạn, khi dạy bài *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu, GV phải sử dụng kiến thức lịch sử, địa lý liên quan đến sông Bạch Đằng để giảng dạy cho HS. Hay khi dạy *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, GV phải có nhiều kiến thức đời sống xã hội, cho HS thấy được nạn bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại trong xã hội đương thời. Từ đó, GV hướng các em đến cách sống lành mạnh, có văn hóa. Hay khi dạy môn Giáo dục công dân về Tình cảm gia đình, tình yêu ... GV có thể yêu cầu HS tìm các câu ca dao, tục ngữ Việt Nam nói về nội dung này. Từ đó, giúp cho HS vừa học lí thuyết vừa rèn luyện khả năng thực hành, sưu tầm.

Như vậy, để DHTH đạt hiệu quả cao, GV cần có năng lực phát hiện, tổng hợp và liên hệ vấn đề một cách đúng đắn và sâu sắc. Bên cạnh đó, GV cũng cần có năng lực *lựa chọn* kiến thức, vấn đề. Bởi vì không phải tất cả các bài học, các nội dung đều có thể tích hợp. Nếu tích hợp không hợp lí sẽ tạo nên sự “khập khiễng” hoặc sẽ mang nặng tính hình thức. Chẳng hạn khi dạy đoạn trích *Trao duyên* (Trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du), GV không nên hỏi câu hỏi liên hệ cuộc sống như: “Nếu là Thúy Kiều, em sẽ làm gì?”. Bởi vì câu trả lời của HS có khi đi ngược lại điều chúng ta mong muốn hướng đến. Hay khi dạy môn Toán thì GV không thể tích hợp với môn Địa hay Sinh học ...

Nhìn chung, để DHTH thành công, với các năng lực chung và năng lực riêng trên, GV cần phải có kiến thức chuyên môn chắc chắn, kiến thức liên ngành rộng mở, kiến thức đời sống – xã hội phong phú và kinh nghiệm bản thân thì sự tích hợp sẽ phong phú và hợp lí hơn.

2.2.2 Đối với dạy học phân hóa

Dạy học phân hoá là dạy học theo từng loại đối tượng, phù hợp với tâm sinh lí, khả năng, nhu cầu và hứng thú của người học nhằm phát triển tối đa tiềm năng riêng vốn có của mỗi người học. Đặc điểm của DHPH là phát hiện và bù đắp lỗ hổng kiến thức, tạo động lực thúc đẩy học tập. DHPH có thể thực hiện ở 2 cấp độ: *Phân hóa ở cấp vĩ mô* (phân hóa ngoài), là sự tổ chức quá trình dạy học thông qua cách tổ chức các loại hình trường, lớp khác nhau cho các đối tượng HS khác nhau, xây dựng các chương trình giáo dục khác nhau (trường chuyên, lớp chọn); *phân hóa ở cấp vi mô* (phân hóa trong), là tổ chức quá trình dạy học trong một tiết học, một lớp học có tính đến đặc điểm cá nhân HS, là việc sử dụng những biện pháp phân hóa thích hợp trong một lớp học, cùng một chương trình và sách giáo khoa. Trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu đề cập đến phân hóa ở cấp vi mô.

DHPH được tổ chức dưới các hình thức như: *phân hóa theo hứng thú, phân hóa theo sự nhận thức, phân hóa giờ học theo học lực, phân hóa giờ học theo động cơ, lợi ích học tập của người học*. Vì vậy, DHPH phải tạo dựng môi trường từ lớp dưới để những HS có năng khiếu nào thì có cơ hội phát triển năng khiếu, sở trường đó.

Cũng như DHTH, đối với DHPH, GV cần hiểu rõ đối tượng giáo dục. Từ năng lực hiểu đối tượng giáo dục, GV cần có một năng lực quan trọng là *thiết kế công cụ dạy học*. Đó là hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập, bài kiểm tra ... phù hợp với từng đối tượng HS và thể hiện được sự phân hóa. Những công cụ ấy phải vừa đảm bảo được mục đích chung là giúp HS nắm vững những kiến thức cơ bản vừa phù hợp với nhận thức và học lực của từng đối tượng HS để góp phần phân hóa được đối tượng HS. Năng lực thiết kế công cụ dạy học đòi hỏi GV phải có kiến thức chuyên môn vững, hiểu sâu đối tượng HS. Đồng thời, GV cần dành nhiều thời gian, công sức đầu tư trong việc lựa chọn và thiết kế công cụ dạy học.

Năng lực thứ hai GV cần có trong DHPH là *năng lực sáng tạo*. Sáng tạo trong cách dạy, sáng tạo trong lựa chọn phương pháp, công cụ, tổ chức hoạt động, sáng tạo trong cách đánh giá ... là một trong những năng lực quan trọng của người GV. Cùng một phương pháp dạy học, nội dung dạy học nhưng GV cần có sự tổ chức hợp lí để đạt được mục đích phân hóa đối tượng HS mà không làm HS yếu kém phải tự ti, mặc cảm hay HS khá giỏi trở nên tự cao, tự đại. Đó là nghệ thuật giảng dạy của GV.

Như vậy, DHPH đòi hỏi GV phải có tâm và phải phát hiện được năng khiếu của mọi HS. Để tổ chức DHPH thành công, GV cần tạo mối quan hệ dân chủ giữa thầy và trò, giữa trò và trò để giúp HS cởi mở, tự tin hơn.

3. Kết luận

Trong mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề, đặc biệt là giáo dục, con người là yếu tố quan trọng nhất quyết định kết quả đạt được. Vì vậy, để hai định hướng DHTH và DHPH đạt hiệu quả cao, GV cần phải nhạy bén, năng động, sáng tạo, có ý chí, nghị lực và không ngừng phấn đấu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học mà ngành giáo dục đặt ra. Năng lực của GV phải phát

triển tỉ lệ thuận với quá trình phát triển của xã hội, có như thế chất lượng của nền giáo dục nước ta mới ngày càng nâng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Hoan, 2013. *Tăng cường năng lực kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh*, NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm.

2. Phạm Thị Thu Hương, 2014. “Các năng lực đặc thù của giáo viên Ngữ văn phổ thông”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học - Dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Văn Lũy, Nguyễn Văn Tịnh, Nguyễn Sỹ Đức, Kiều Thị Bích Thủy, Nguyễn Trọng Sửu, 2013. *Nâng cao năng lực lập kế hoạch dạy học của giáo viên*, NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm.

4. Ngô Quang Sơn, Trần Trung, 2013. *Tăng cường năng lực sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*, NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm.

5. Nguyễn Đức Sơn, Trần Quốc Thành, Nguyễn Thanh Bình, 2013. *Nâng cao năng lực hiểu biết về đối tượng giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm.

6. Lê Thanh Sử, Nguyễn Thanh Bình, Phạm Quỳnh, 2013. *Phát triển năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục của giáo viên*, NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm.

7. Phạm Viết Vượng, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Lăng Bình, 2013. *Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên*, NXB Giáo dục Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm.

8. Các trang web:

- <http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/tri-an-nhung-tam-long-doi-voi-thay-tro-an-lac-thon-514683.htm>

- http://www.ctu.edu.vn/news_det.php?mn=4&id=1222